

CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VỀ VIỆC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ CHO GIÁO VIÊN VÀ SINH VIÊN SƯ PHẠM

Nguyễn Thị Diệu Linh và Đỗ Hương Trà

Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết trình bày nghiên cứu (NC) tổng quan về bồi dưỡng năng lực đánh giá (NLĐG) cho giáo viên (GV) và sinh viên sư phạm (SVSP). Thông qua phân tích các nghiên cứu trong nước và quốc tế, nhóm nghiên cứu đã xác định được bốn hướng chính của các nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực đánh giá cho GV và SVSP: tập trung vào tiếp cận dạy học dựa trên nội dung, chú trọng đến kỹ thuật dạy học; nhấn mạnh tầm quan trọng của việc gắn kết giữa lý thuyết và thực hành; quan tâm đến việc thúc đẩy sự phát triển về siêu nhận thức của GV và SVSP. Từ kết quả nghiên cứu tổng quan, bài viết đưa ra một số khuyến nghị về việc bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP tại Việt Nam.

Từ khóa: Bồi dưỡng giáo viên, đào tạo sinh viên sư phạm, năng lực đánh giá, phát triển năng lực, hướng nghiên cứu.

1. Mở đầu

Năng lực đánh giá của GV có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực của học sinh. Năm 1998, Black và Wiliam đã thực hiện một siêu phân tích 250 NC thực nghiệm về mối liên hệ giữa ĐG trong dạy học và kết quả của HS đã cho thấy việc phát triển năng lực ĐG của GV là một chiến lược bền vững để phát triển NL cho hàng ngàn HS [1].

Tuy nhiên, các NC về ĐG lớp học chỉ ra rằng: nhiều GV chưa được đào tạo đầy đủ và chuẩn bị tốt để thực hiện, quản lý và giải thích kết quả ĐG [2]. Nhìn chung, GV chưa có kỹ năng ĐG quá trình nên họ thường sử dụng những phương pháp đánh giá trên giấy mà họ quen thuộc. Hơn nữa, để ĐG HS, GV thường đưa ra các nhiệm vụ ở trình độ nhận thức thấp nên việc ĐG của GV chưa phù hợp với các mục tiêu dạy học, khiến việc dạy học phát triển năng lực bị lệch hướng. Nhiều GV cũng nhận thấy chất lượng của việc ĐG của họ không tốt. Các SVSP chịu ảnh hưởng sâu sắc từ việc “học qua quan sát” trong thời gian dài khi họ thường là những HS thành công ở trường phổ thông [2, 3].

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhiều NC đã vận dụng các cách tiếp cận khác nhau, các lý thuyết tâm lý nhận thức khác nhau để xác định các cách thức hiệu quả trong việc bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP. Bài viết phân tích các NC, xác định các cách tiếp cận và các hướng NC chính một cách có hệ thống nhằm cung cấp một điểm khởi đầu để phát triển các biện pháp bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP trong tương lai. Kết quả NC cũng sẽ đề cập một số lưu ý quan trọng khi xây dựng các biện pháp bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP.

Ngày nhận bài: 21/5/2019. Ngày sửa bài: 15/7/2019. Ngày nhận đăng: 22/7/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Diệu Linh. Địa chỉ e-mail: linhntd@hnue.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế sử dụng trong NC này là NC tổng quan định tính có hệ thống trong đó sử dụng các tiêu chí để phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan. Quá trình NC gồm ba bước chính của nghiên cứu tổng quan tài liệu, đó là: i) tìm kiếm tài liệu, ii) phân tích và đánh giá tài liệu, iii) viết tổng quan.

*** Tìm kiếm tài liệu**

Để tìm được các NC trong đó có các cách tiếp cận và các hướng NC chính, các từ khóa được sử dụng là những từ/cụm từ chứa mục tiêu hoặc đối tượng nghiên cứu và những từ/cụm từ đồng nghĩa với chúng. Từ đó, các từ khóa tiếng Việt được sử dụng là: “bồi dưỡng giáo viên”, “đào tạo sinh viên sư phạm”, “năng lực đánh giá” thông qua cơ sở dữ liệu của các thư viện ở các trường đại học và các thư viện lớn ở Việt Nam. Từ khóa tiếng Anh được sử dụng gồm: “develop”, “training”, “assessment literacy”, “assessment competence” hoặc “assessment competency”, “teacher”, “teacher candidate” hoặc “pre-service teacher”,... Ban đầu, việc tìm kiếm được tiến hành trên mạng. Cơ sở dữ liệu điện tử dùng để tìm kiếm các bài báo Tiếng Anh gồm ERIC, ProQuest, Science Direct và Google Scholar. Việc tìm kiếm bị hạn chế trong phạm vi giáo dục đại học, bồi dưỡng giáo viên trong vòng ba thập kỷ qua. Để đảm bảo chất lượng của đánh giá, chúng tôi chỉ xem xét các nguồn có đánh giá đồng cấp (peer review). Việc tìm kiếm tiếp theo được thực hiện thông qua tham chiếu ngược, tìm kiếm thủ công và xin tư vấn từ các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo giáo viên về đánh giá. Các chuyên gia được lựa chọn là những giảng viên của các trường đại học Sư phạm đã giảng dạy về kiểm tra đánh giá và có những nghiên cứu về đào tạo giáo viên.

*** Phân tích và đánh giá tài liệu**

Giai đoạn này liên quan đến việc xem xét biện pháp bồi dưỡng NLĐG được NC trong các bài báo được chọn, phân chia chúng thành các hướng NC và sắp xếp chúng theo thời gian xuất bản. Các bài báo được chọn tiếp tục được phân loại thành các NC chính (theo kinh nghiệm) và các nguồn thứ cấp, ưu tiên cho các NC thực nghiệm có đánh giá ngang hàng. Quá trình trên luôn hướng đến mục đích đã nêu của NC tổng quan này.

*** Tổng hợp tài liệu và viết tổng quan**

Chúng tôi xem lại các ghi chú ngắn đã được viết ra trong quá trình đọc và phân tích tài liệu, đồng thời đọc lại các NC thực nghiệm quan trọng đã chọn để viết bài tổng quan chi tiết. Để xác định được các hướng NC chính trong bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP chúng tôi tiến hành phân tích các phương pháp sử dụng trong từng NC, xác định điểm mạnh và điểm yếu, các vấn đề chính, ý nghĩa và kết luận của từng NC thực nghiệm. Những khía cạnh này đã được công nhận là tiêu chí hiệu quả để xác định chất lượng của NC [4].

2.2. Kết quả

Có thể chia các nghiên cứu về bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP thành bốn hướng khác nhau.

- Hướng thứ nhất tập trung vào tiếp cận dạy học dựa trên nội dung.
- Hướng thứ hai chú trọng đến kỹ thuật dạy học.
- Hướng thứ ba nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sự gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, tạo cơ hội để GV và SVSP học qua trải nghiệm.
- Hướng thứ tư quan tâm đến việc thúc đẩy sự phát triển về siêu nhận thức của các SVSP.

2.2.1. Hướng thứ nhất tập trung vào tiếp cận dạy học dựa trên nội dung

Các NC theo hướng này đề cập đến việc giảng dạy với trọng tâm là truyền tải và áp dụng kiến thức và kỹ năng, thường dưới hình thức bài giảng và học tập dựa trên tài liệu. Trong đào tạo

GV và SVSP, cách tiếp cận sư phạm này được sử dụng phổ biến để học về các chính sách giáo dục, các lý thuyết và các quy trình (Grossman, 2005) và là cách tiếp cận dạy học thường được sử dụng khi dạy về ĐG [3].

Hầu hết các NC tại Việt Nam tập trung vào hướng này. Tuy nhiên, những nghiên cứu lý thuyết mới chỉ đề xuất quy trình rèn luyện kỹ năng thiết kế bài tập trong các môn học cụ thể [5, 6]. Số NC thực nghiệm liên quan đến bồi dưỡng NLĐG năng lực cho SVSP còn rất khiêm tốn và chủ yếu sử dụng tiếp cận dạy học dựa trên nội dung. Dưới đây là hai NC thực nghiệm bồi dưỡng NLĐG cho SVSP trong dạy học toán học và sinh học.

Tác giả Phạm Xuân Chung (2012) đã NC về việc chuẩn bị cho SV sư phạm Toán học cách thức tiến hành hoạt động ĐG. NC xác định hiệu quả của việc tổ chức cho SV luyện tập bốn hoạt động: phát hiện và sửa chữa sai lầm; xây dựng bài toán mới từ bài toán đã cho; lập kế hoạch dạy học và ĐG; tập giảng [7].

Tác giả Nguyễn Thị Việt Nga (2016) đã xác định cấu trúc kỹ năng ĐG năng lực khoa học, đánh giá năng lực khoa học theo quan điểm PISA, xây dựng và sử dụng quy trình để hình thành cho SVSP kỹ năng đánh giá năng lực khoa học của HS trong dạy học ở trường phổ thông. Tuy nhiên, quy trình bồi dưỡng năng lực ĐG cho SVSP được tác giả đưa ra mới chỉ tập trung vào việc sử dụng các tiêu chí và cấu trúc năng lực khoa học để thiết kế các bài tập theo quan điểm PISA. NC sử dụng các tiêu chí do nhà NC đã biên soạn để chấm điểm các bài tập của SV [8].

Theo hướng này, một số NC thực nghiệm cho thấy SV đã bước đầu làm quen với đánh giá năng lực. Tuy nhiên, để khẳng định độ tin cậy của các kết quả đem lại từ các biện pháp theo hướng tiếp cận nội dung, cần thực nghiệm trên mẫu sinh viên lớn hơn và sử dụng công cụ đánh giá chuẩn hóa.

2.2.2. Hướng nghiên cứu chú trọng đến kỹ thuật dạy học

Nghiên cứu của Shepard (2005) là một ví dụ đặc trưng cho hướng thứ nhất. Họ đề nghị rằng các SVSP nên: (a) thực hiện cá nhân và theo nhóm khi phân tích sản phẩm và hoạt động học của HS, (b) thiết kế và xây dựng ĐG HS dựa trên tiêu chuẩn và (c) xem xét mối liên hệ giữa động lực học tập và hoạt động ĐG lớp học [9].

Wyatt-Smith và Gunn (2009) đã sử dụng bộ câu hỏi cho phép GV xem xét các đặc điểm của một ĐG chất lượng. Thông qua phân tích các cuộc thảo luận của các nhóm GV về việc áp dụng tiêu chuẩn ĐG, NC đã cho thấy bộ câu hỏi đó được công nhận là hữu ích. Nghiên cứu cũng cho thấy cần tổ chức cho SV làm việc cá nhân và theo nhóm khi thực hiện phân tích sản phẩm và hoạt động học của HS [10].

Susan và Jennifer (2014) đã tiến hành nghiên cứu trên các SVSP, trong đó khóa học thu thập sản phẩm của HS từ các GV và HS ở các trường công lập để SV phân tích. Kết quả cho thấy, đa số SV thay đổi hiểu biết về các tiêu chuẩn đạo đức trong ĐG và kỹ năng lựa chọn hình thức đánh giá [11].

Koh và Tan (2016) đã tổ chức một khóa học sử dụng phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (problem-based learning) về ĐG trong đó các SV được yêu cầu chia sẻ những điểm thuận lợi và khó khăn trong quá trình giải quyết vấn đề. Khóa học đã có những thành công ban đầu trong việc hỗ trợ sự suy ngẫm của SV về ĐG, nhưng cũng gặp phải một số khó khăn. Đó là một số trợ giảng chưa rõ mục tiêu khóa học, nên họ vẫn hướng dẫn, hỗ trợ hay can thiệp vào quá trình học tập của SV, còn SV vẫn muốn nhận được các hướng dẫn chi tiết từ trợ giảng. Qua kết quả đó có thể thấy việc dạy học về ĐG cần cung cấp cho người học đủ những kiến thức nền tảng quan trọng và tư duy sâu sắc, cần thiết kế các hướng dẫn và hỗ trợ đầy đủ trước khi cho SV làm việc nhóm. Ngoài ra, và cần xem xét một số chiến lược ĐG SVSP sao cho việc phản hồi mang tính kịp thời [12].

Những nghiên cứu nói trên đã xác nhận tác dụng của một số kỹ thuật dạy học đối với việc bồi dưỡng NLĐG. Tuy nhiên, ngay cả khi vận dụng các kỹ thuật này nhưng do việc dạy lý thuyết về ĐG tách rời hoàn cảnh dạy học của GV và SVSP nên chỉ thu được kết quả rất hạn chế [11]. Vì thế, nhiều nghiên cứu đã tập trung tìm cách gắn kết giữa lý thuyết và thực hành trong dạy học về đánh giá cho GV và SVSP.

2.2.3. Hướng nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc gắn kết lý thuyết với thực hành, tạo cơ hội để giáo viên và sinh viên sư phạm học qua trải nghiệm

Có thể nói hầu hết các nghiên cứu bồi dưỡng năng lực ĐG cho GV và SVSP đều tập trung vào giải pháp kết hợp giữa lý thuyết với thực hành. Giải pháp này xuất phát từ các NC điều tra thực tiễn về nhu cầu kết hợp giữa lý thuyết và thực hành và NC lý thuyết đề xuất các hoạt động cụ thể khi kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

Những NC điều tra thực tiễn về nhu cầu kết hợp giữa lý thuyết và thực hành của Volante và Fazio (2007), Koh (2011), Volante (2012) cho thấy các GV và SVSP có trình độ thấp về ĐGNL và họ bày tỏ mong muốn được các nhà NC hỗ trợ định kì trong quá trình vận dụng ĐG trên HS [13-15].

Nhiều NC lý thuyết đã phân tích tác dụng của việc tích hợp bồi dưỡng năng lực ĐG quá trình cho GV vào quá trình dạy học của họ. Jay (2003); Peery (2004), Wylie & Lyon, (2009) cho rằng sự tích hợp này có hai chức năng: (i) hỗ trợ việc học tập sau này của GV và (ii) cung cấp kinh nghiệm thực tiễn trong các ĐG quá trình. Các NC của Borko (2004) Garet và cộng sự (2001) nhấn mạnh rằng việc phân tích sản phẩm hoạt động của HS sẽ giúp GV có hiểu biết sâu sắc về tác dụng của ĐG đối với việc lựa chọn hoạt động dạy và cải tiến lớp học. Thông qua phân tích nhiều bài báo về chủ đề phát triển năng lực của giáo viên trong việc đánh giá lớp học, McMunn (2004) cũng khẳng định tầm quan trọng của sự phát triển chuyên môn gắn với công việc hàng ngày của GV. Đồng thời McMunn cũng chỉ ra rằng việc bồi dưỡng chuyên môn hiệu quả phải tuân theo mô hình kiến tạo về việc học tập của GV, trong đó GV được tham gia học tập tích cực thông qua các cuộc trao đổi chuyên môn. Đặc biệt là GV phải cùng nhau làm việc để giải quyết các vấn đề về ĐG.

Như vậy, các NC lý thuyết đã chỉ ra các tác dụng và một số lưu ý khi tích hợp bồi dưỡng năng lực ĐG cho GV vào quá trình dạy học của họ. Hiệu quả của việc tích hợp này được kiểm chứng qua các NC thực nghiệm dưới đây.

*** Những nghiên cứu thực nghiệm trên giáo viên**

Borko (1997) và các đồng nghiệp đã tiến hành NC tập trung vào việc phát triển chuyên môn của GV về ĐG sau một chương trình bồi dưỡng GV ở Colorado, USA. Chương trình kéo dài trong một năm, mỗi tuần có một buổi làm việc giữa giảng viên và GV. Nhóm NC đã đề xuất các giải pháp: (i) Việc bồi dưỡng gắn liền với hoàn cảnh thực tế của lớp học là một chiến lược hiệu quả để giúp các GV thay đổi hoạt động ĐG của họ; (ii) Thảo luận nhóm có thể là một công cụ hiệu quả để xây dựng những ý tưởng mới [16].

Trong NC tác động của Wiliam và cộng sự (2004), nhóm NC đã bồi dưỡng năng lực ĐG quá trình cho một nhóm gồm 24 GV toán học và GV khoa học ở bậc trung học cơ sở trong hai năm. Sau khi được giới thiệu những quan điểm và các nguyên tắc cơ bản của ĐG, trong thời gian thực hiện kế hoạch, theo định kì hàng tuần, các GV được thành viên của nhóm NC dự giờ, trao đổi kế hoạch để GV có thể ĐG tốt hơn. So sánh điểm thi quốc gia của HS lớp ĐC với TN, nhóm NC phát hiện ra có những hiệu quả tác động nhất định của việc ĐG lên thành tích của HS. Như vậy, NC cũng chỉ ra rằng sự bồi dưỡng chuyên môn một cách liên tục là cần thiết cho việc phát triển năng lực ĐG quá trình của GV [17].

Sato và cộng sự (2008) đã tiến hành một NC trong đó theo dõi những thay đổi trong lớp học của các GV toán học và GV khoa học khi các GV này tổ chức trao đổi định kì sau khi tập

huấn. Kết quả NC cũng chỉ ra rằng chiến lược hiệu quả để bồi dưỡng chuyên môn cần tập trung vào thực tiễn lớp học của GV, vào tương tác trong lớp học và vào phân tích hoạt động của HS [18].

Nhóm NC của Koh đã tiến hành ba NC khác nhau nhằm kiểm tra tác động của việc sử dụng tiêu chuẩn chất lượng trí tuệ thực (authentic intellectual quality) của Newmann đưa ra năm 1996 và cách bồi dưỡng gắn liền với hoàn cảnh thực tế của lớp học đối với năng lực ĐG của GV. Ba NC này được thực hiện trên các GV tiểu học môn Anh văn, khoa học và toán học (2011), các GV Toán ở THCS (2015) và các GV dạy tiếng Trung Quốc (2017). Nhóm NC đã tổ chức tập huấn cho GV các kiến thức cơ bản về ĐG và hướng dẫn GV cách sử dụng các tiêu chí này để phân tích chất lượng các bài tập và sản phẩm của HS. Ngoài đợt tập huấn ngắn hạn, GV còn có thêm các buổi trao đổi về ĐG với nhóm NC theo định kỳ hàng tháng. Phân tích bài tập do GV thiết kế và chất lượng bài làm của HS, NC cho thấy sau tác động này, NL ĐG của GV đã tăng lên đáng kể [19-21].

**** Những nghiên cứu thực nghiệm trên sinh viên sư phạm***

Trong khi GV có thể thường xuyên áp dụng và điều chỉnh những công cụ ĐG vào chính lớp học của mình thì SVSP lại khó có cơ hội để làm điều đó. Do đó, cách thức tổ chức dạy học cho đối tượng SVSP theo hướng kết hợp giữa lí thuyết và thực hành có những điểm khác biệt.

Trong NC của Graham (2005), sau khi học xong khóa học về ĐG ở trường đại học, các SVSP Tiếng Anh được vận dụng những điều đã học vào đợt thực tập sư phạm ở trường phổ thông. Hầu hết các SVSP này đều nhận thấy tầm quan trọng của ĐG trong dạy học nhưng họ lại lo ngại rằng vẫn chưa đủ kỹ năng trong việc xác định mục tiêu ĐG, thiết kế rubric và xác định chính xác kỹ thuật ĐG cần sử dụng trong từng tình huống. Từ đó có thể thấy, chỉ chú ý đến hướng thứ hai nêu trên là chưa đủ để có một khóa học về ĐG hiệu quả [3].

Odo (2016) đã tiến hành một NC định tính nhằm khám phá nhận thức của 5 học viên cao học trong quá trình bồi dưỡng NLĐG. Sau khi học lí thuyết và thiết kế các công cụ ĐG, học viên sử dụng những công cụ ĐG này khi dạy kèm HS. Học viên có những buổi trao đổi định kì với bạn cùng học theo hình thức phỏng vấn đồng đẳng (Peer Debriefing) về những trải nghiệm và những khó khăn của chính họ khi tiến hành ĐG. NC cho thấy sử dụng dạy kèm cá nhân và phỏng vấn đồng đẳng cho học viên sau đại học có thể là những cách thức hiệu quả để làm cho học viên có suy nghĩ sâu sắc hơn, kết nối được lí thuyết với thực tiễn, cung cấp phản hồi cho khóa học nhằm giúp học viên phát triển năng lực ĐG của họ. Tuy nhiên, NC của Odo (2016) là NC định tính và chỉ thực hiện với mẫu rất nhỏ nên cần có những NC tiếp theo [22].

Như vậy, những NC lí thuyết và NC thực nghiệm trên GV và SVSP đã chứng minh rằng, khi được thực hiện cùng với các biện pháp khác (thảo luận nhóm xây dựng ý tưởng mới, sử dụng bộ tiêu chí để phân tích chất lượng các bài tập...), việc tích hợp bồi dưỡng năng lực ĐG quá trình cho GV vào quá trình dạy học của họ đã mang lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, kết quả NC của Graham (2005) còn cho thấy: nếu chỉ chú ý đến việc tạo mối liên hệ giữa lí thuyết với thực hành, người dạy chỉ tạo được nhu cầu, động lực học tập cho người học là chưa đủ để có một khóa học hiệu quả về ĐG. Do đó, đã có những NC sử dụng các biện pháp thúc đẩy sự phát triển về siêu nhận thức của người học nhằm giúp người học đối mặt với những vấn đề phức tạp khi thiết kế công cụ ĐG.

2.2.4. Hướng nghiên cứu quan tâm đến việc thúc đẩy sự phát triển về siêu nhận thức của người học

Trong NC bồi dưỡng NL ĐG cho GV, còn có rất ít các NC quan tâm đến phát triển siêu nhận thức cho người học. Một trong những hướng NC quan tâm đến phát triển siêu nhận thức cho người học là NC của DeLuca (2014). Ông đã tổ chức cho SVSP suy ngẫm và lập kế hoạch

cho việc học. Trên cơ sở phân tích bảng câu hỏi mở điều tra trên SVSP tham gia khóa học, NC đã chứng minh biện pháp trên là phù hợp để đóng góp vào việc đào tạo về ĐG [23].

Như vậy, việc sử dụng siêu nhận thức trong bồi dưỡng NLĐG cho GV đã bước đầu thu được kết quả tích cực. Đây cũng là một hướng cần có thêm nhiều NC, đặc biệt về những hoạt động cần thực hiện để qua đó tạo cơ hội cho người học phát triển siêu nhận thức.

3. Kết luận

Tổng quan những NC về bồi dưỡng năng lực ĐG trên cho thấy: trong khi các tổ chức giáo dục và các nhà khoa học đã nhấn mạnh vai trò của việc chuẩn bị cho SVSP và GV những kiến thức về ĐG từ khá lâu, và nhiều NC cho thấy dạy học về ĐG cho SVSP có thể tạo ra những thay đổi tích cực về năng lực ĐGNL của SVSP nhưng số lượng các NC đào tạo SVSP và bồi dưỡng GV về năng lực ĐG còn rất hạn chế. Những NC này đã đưa ra được các biện pháp bồi dưỡng năng lực ĐG cho SV và GV. Tuy nhiên, về mặt nội dung, hầu hết các NC mới chỉ đề cập đến bồi dưỡng năng lực ĐG quá trình nói chung cho GV và SVSP, còn có rất ít NC quan tâm đến việc bồi dưỡng GV và SVSP năng lực ĐGNL trong dạy học các môn học.

Về mặt phương pháp, các NC được chia thành bốn hướng. Với hướng thứ nhất, số NC thực nghiệm còn khá khiêm tốn và mới chỉ cho thấy SV đã bước đầu làm quen với đánh giá năng lực. Các NC theo hướng thứ hai đã cho thấy nếu chỉ vận dụng các kỹ thuật dạy học thì kết quả thu được rất hạn chế, SV chỉ thay đổi hiểu biết về các tiêu chuẩn đạo đức trong ĐG và kỹ năng lựa chọn hình thức đánh giá. Việc gắn kết giữa lý thuyết và thực hành đã được nhiều NC theo hướng thứ ba chứng minh là hiệu quả khi kết hợp với một số biện pháp dạy học tích cực. Tuy nhiên, nếu chỉ chú ý gắn kết giữa lý thuyết và thực hành thì người học vẫn gặp nhiều khó khăn như chưa đủ kỹ năng trong việc xác định mục tiêu ĐG, thiết kế rubric và xác định kỹ thuật ĐG cần sử dụng trong từng tình huống. Hướng NC thứ tư quan tâm đến việc thúc đẩy sự phát triển về siêu nhận thức trong bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP là một hướng mới, có rất ít NC nhưng đã thể hiện những kết quả tích cực, đa số người học cảm thấy thú vị và hữu ích khi tham gia các hoạt động phát triển siêu nhận thức.

Theo kết quả tìm kiếm và phân tích các NC ở trên, ở Việt Nam mới chỉ có một số công trình NC về việc rèn luyện cho SVSP kỹ năng đánh giá năng lực trong dạy học Toán học và Sinh học theo hướng tiếp cận dạy học dựa trên nội dung. Chưa có NC về việc bồi dưỡng cho SVSP năng lực TKCC ĐGNL trong dạy học các môn học khác cũng như chưa có các NC theo các hướng khác. Trên cơ sở tổng quan các NC, đối với việc bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

- Cần chú ý gắn kết giữa lý thuyết và thực hành và kết hợp với những biện pháp dạy học tích cực khi bồi dưỡng NLĐG cho GV và SVSP
- Năng lực cần được đánh giá trong các môn học khác nhau có những đặc thù riêng, do đó cần có thêm những NC bồi dưỡng GV và SVSP năng lực ĐGNL trong dạy học các môn học.
- Cần những NC cụ thể về những hoạt động cần thực hiện để qua đó tạo cơ hội cho người học phát triển siêu nhận thức bởi vì phát triển siêu nhận thức bước đầu được chứng minh là có tác dụng tích cực đối với việc phát triển NLĐG của GV nhưng có rất ít NC theo hướng này.
- Thiết kế công cụ ĐGNL là một hoạt động phức tạp, nó thường gây tải nhận thức cao cho người học. Do đó, cũng cần phải có các NC chú ý sử dụng các biện pháp giúp giảm tải nhận thức cho người học khi bồi dưỡng năng lực ĐG cho họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Black, Paul, Wiliam, Dylan, 1998. *Assessment and classroom learning*. Assessment in Education: Principles, Policy & Practice. Vol. 5, Issue 1.
- [2] Bol, L., Stephenson, P.L., O'Connell, A.A., & Nunnery, J.A., 1998. *Influence of experience, grade level, and subject area on teachers' assessment practices*. The Journal of Educational Research, 91, 323-330.
- [3] Graham, P., 2005. *Classroom-based assessment: Changing knowledge and practice through preservice teacher education*. Teaching and Teacher Education, 21, pp. 607-621.
- [4] Galvan, J. L., 2006. *Writing literature reviews: A guide for students of social and behavioural sciences*. Los Angeles: Pyrczak publishing.
- [5] Bùi Văn Nghị, 2010. *Rèn luyện phương pháp sáng tạo bài toán cho SVSP Toán ở trường Đại học Sư phạm*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 4, trang 3-8.
- [6] Phan Thị Thanh Hội, 2014. *Rèn luyện cho SVSP kỹ năng thiết kế bài tập tình huống trong dạy học học phần phương pháp dạy học sinh học I*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 2, trang 91-99.
- [7] Phạm Xuân Chung, 2012. *Chuẩn bị cho SVSP ngành sư phạm toán học ở trường Đại học tiến hành hoạt động ĐG kết quả học tập môn Toán của HS Trung học phổ thông*. Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Đại học Vinh, Nghệ An.
- [8] Nguyễn Thị Việt Nga, 2016. *Hình thành cho SVSP kỹ năng đánh giá năng lực khoa học của HS theo quan điểm PISA trong dạy HS học ở trường phổ thông*, LATS giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [9] Shepard, L., Hammerness, K., Darling-Hammond, L., & Rust, F., 2005. Assessment. In L. Darling- Hammond & J. Bransford (Eds.), *Preparing teachers for a changing world: What teachers should learn and be able to do* (pp. 275-326). San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- [10] Wyatt-Smith, C.M., & Gunn, S., 2009. *Towards theorising assessment as critical inquiry*. In C. Wyatt-Smith, & J.J. Cumming (Eds.). *Educational Assessment in the 21st Century: Connecting theory and practice* (pp. 83-102). Dordrecht, The Netherlands: Springer International.
- [11] Jennifer McGee & Susan Colby, 2014. *Impact of an Assessment Course on Teacher Candidates' Assessment Literacy*. Action in Teacher Education
- [12] Koh, K. & Tan, T., 2016. *Promoting reflection in pre-service teachers through problem-based learning: An example from Canada*. Reflective Practice.
- [13] Volante, L., & Fazio, X., 2007. *Exploring teacher candidates' assessment literacy: Implications for teacher education reform and professional development*. Canadian Journal of Education, 30(3), pp. 749-770.
- [14] Koh, K.H., 2011. *Improving teachers' assessment literacy through professional development*. Teaching Education, 22, pp. 255-276.
- [15] Klinger, D.A., Volante, L., DeLUCA, C., 2012. *Building Teacher Capacity within the Evolving. Assessment Culture in Canadian Education*. Policy Futures in Education. Volume 10 Number 4.
- [16] Borko, H., Mayfield, V., Marion, S., Flexer, R., & Cumbo, K., 1997. *Teachers' developing ideas and practices about mathematics performance assessment: Successes, stumbling blocks, and implications for professional development*. Teaching & Teacher Education, 13(3), pp. 259-278.

- [17] Wiliam, D., Lee, C., Harrison, C., & Black, P., 2004. *Teachers developing assessment for learning: Impact on student achievement*. Assessment in Education, 11(1), pp. 49-65.
- [18] Sato, M., Wei, R.C., & Darling-Hammond, L., 2008. *Improving teachers' assessment practices through professional development: The case of National Board Certification*. American Educational Research Journal, 45(3), pp. 669-700.
- [19] Koh, K.H., 2011. *Improving teachers' assessment literacy through professional development*. Teaching Education, 22, pp. 255-276.
- [20] Koh, K., 2015. *Buiding teachers' capacity in authentic assessment and assessment for learning*. Achived online <http://dspace.ucalgary.ca/bitstream/1880/50858/1/5%20Building%20teachers%20-%20Koh%20et%20al.pdf> on 5/12/2016.
- [21] Koh, K., Luke, A., Burke, L., Gong, W., Tan, C., 2017. *Developing the assessment literacy of teachers in Chinese language classrooms: A focus on assessment task design*. Language Teaching Research, pp. 1-25.
- [22] Dennis Murphy Odo, 2016. *An Investigation of the Development of Pre-service Teacher Assessment Literacy through Individualized Tutoring and Peer Debriefing*. Journal of Inquiry & Action in Education, 7(2).
- [23] DeLuca, C., Chavez, T., Bellara, A., CaO, C., 2014. *Pedagogies for preservice assessment education: Supporting teacher candidates' assessment litaracy developement*. The Teacher Educator, 48:128-142.

ABSTRACT

Research directions on developing assessment competence for Pedagogical lecturers and students

Nguyen Thi Dieu Linh and Do Huong Tra

Faculty of Physics, Hanoi National University of Education

This article carries out a systematic qualitative review of studies on developing assessment competence for Pedagogical lecturers and students. Through the analysis of Vietnamese studies and foreign studies, we have identified four main directions: focusing on content-based teaching approaches; focusing on teaching techniques; emphasizing the importance of the link between theory and practice; the interest of promoting the development of metacognition of teachers and students. From the results of the general research, the article offers some recommendations on developing assessment competence for Pedagogical lecturers and students in Vietnam.

Keywords: Assessment competence, assessment literacy, develop assessment competence for pedagogical lecturers and students, research direction.